

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp;
2. Ông Đặng Minh Lý.

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 210/8 Ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1990. Địa chỉ: xã V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định. Tạm trú: Số 113/24/13/25 đường 30/4, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2019, bản tự khai ngày 06/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Minh T trình bày:

Bà Trần Thị Minh T và ông Lê Văn H là vợ chồng, kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2015, quyển số 01/2015 ngày 29/7/2015. Quá trình chung sống, bà T và ông H có 01 con chung là cháu Lê Trần An N, sinh ngày 30/11/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên làm cho không khí gia đình trở nên căng thẳng mỗi khi chạm mặt nhau; ông H đi làm xa mỗi tuần về một lần, ông H hay lớn tiếng nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn

với ông Lê Văn H. Sau khi ly hôn thì bà T sẽ giao con cho ông H nuôi và bà T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn ý kiến ngày 13/5/2019, bản tự khai ngày 24/5/2019 bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Ông Lê Văn H thống nhất với bà T về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông H đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Ông H thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần An N, sinh ngày 30/11/2016, hiện nay cháu N đang sinh sống cùng với ông H, ông H thống nhất ông H là người nuôi con và bà T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 03/5/2019, nguyên đơn bà Trần Thị Minh T có đơn xin giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi hay bỏ sung yêu cầu. Ngày 01/7/2019, bị đơn ông Lê Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh T khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn Lê Văn H. Bị đơn ông Lê Văn H có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số 113/24/13/25 đường 30/4, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh T, bị đơn ông Lê Văn H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị Minh T và ông Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2015, quyển số 01/2015 ngày 29/7/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông H vì cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên làm cho không khí gia đình trở nên căng thẳng mỗi khi chạm mặt nhau; ông H đi làm xa mỗi tuần về một lần, ông H hay lớn tiếng nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Quá trình giải quyết, ông H thống nhất vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông H đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, bà T và ông H thống nhất ly hôn vì cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là cháu Lê Trần An N, sinh ngày 30/11/2016. Bà T và ông H thống nhất ông H là người nuôi con và hiện nay cháu N đang sinh sống cùng với ông H nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu N cho ông H nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Thoa không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Minh T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh T đối với ông Lê Văn H về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T được ly hôn đối với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Ông Lê Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần An N, sinh ngày 30/11/2016.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Bà Trần Thị Minh T có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033809 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Phương